TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170/2026/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 271/2026/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1972; Căn cước công dân số: 0370720118xx cấp ngày 29/5/2023, nơi cấp Cục QLHC về TTXH;

Địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Bà Dương Thị B, sinh năm 1976; Căn cước công dân số: 0371760134xx cấp ngày 09/01/2022, nơi cấp Cục QLHC về TTXH;

Địa chỉ: Thôn H, xã C, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn N và bà Dương Thị B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con:

- *Về con chung:* Ông Lê Văn N và bà Dương Thị B đều thống nhất vợ

chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 02/9/1996 và cháu Lê Văn Đ, sinh ngày 18/8/1998. Hiện hai cháu đều đã trưởng thành nên ông N và bà B không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về con riêng:* Ông Lê Văn N và bà Dương Thị B xác định không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản: Ông Lê Văn N và bà Dương Thị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn N nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí ông đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000401 ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn N số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí ông đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình.
- Phòng THADS khu vực 4 - Ninh Bình.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Vũ Nhật Trung